TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HS-ST
Ngày: 29-01-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Thung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Bùi Văn Bình.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Lại Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2019/HS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh năm 1964. Nơi sinh, nơi cư trú: Xóm 3, xã TT, huyện TN, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 02/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con bà Trần Thị Đỏ (đã chết), họ và tên cha không xác định; có vợ là Nguyễn Thị M, sinh năm 1972 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1985, con nhỏ nhất sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27-11-2018 đến ngày 06-12-2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú".(Có mặt)

- *Bị hại:* Bưu điện huyện HH, tỉnh Nam Định.

+ Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Qu- Giám đốc Bưu điện huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

+ Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Thu Ph, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Xóm 4, xã HB, huyện HH, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt)

- ***Người làm chứng:***

1. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1972; nơi cư trú: Xóm 3, xã TT,

huyện TN, tỉnh Nam Định.(Có mặt)

2. Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1962; nơi cư trú: Xóm 1, xã TT, huyện TN, tỉnh Nam Định. (Có mặt)

3. Anh Đỗ Dương N, sinh năm 1984; nơi cư trú: Xóm 16, xã NA, huyện NT, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do biết Bưu cục huyện HH đóng trên địa bàn ở xóm 3, xã Hải Hà đang trong quá trình sửa chữa, bên trong có nhiều cánh cửa bằng gỗ lim, không có người trông coi, do đó, Trần Văn T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Khoảng 02 giờ ngày 21-10-2018, do chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1972 trú tại xóm 3, xã Trực Phú, huyện Trực Ninh (là vợ T) thường xuyên đi làm vào 06 giờ, nên T đã nói với chị M có mua một số cánh cửa ở xã Hải Hà về sử dụng. Sau đó, T bảo chị M đi cùng để lấy số cánh cửa mang về nhà. T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 29L2 – 3492 chở chị M, phía sau kéo theo 01 chiếc xe lôi ba bánh tự chế đến Bưu cục xã Hải Hà. T quan sát không có người trông coi nên bảo chị M đứng ở ngoài đường còn T kéo xe lôi đi vào bên trong Bưu cục xã Hải Hà. Tại đây, T dùng 01 thanh tuýp sắt dài khoảng 40cm tháo 10 cánh cửa gỗ lim, mỗi cánh có kích thước (230 x 50 x 3,8)cm và 01 cánh cửa gỗ kích thước (215 x 80 x 3,8)cm để lên xe lôi rồi kéo ra ngoài đường. Sau đó, T điều khiển xe chở chị M cùng số gỗ trên về nhà. Ngày 22-10-2018, T mang 11 cánh cửa trên đến nhà ông Đỗ Văn H, sinh năm 1962 ở xóm 1, xã Trực Thái, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định thuê ông H sửa chữa và sơn lại số cửa trên. Ngày 27-11-2018, Trần Văn T đến Công an huyện Hải Hậu đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 35/KL-HĐĐG ngày 29-11-2018 của Hội đồng định giá huyện Hải Hậu kết luận: 10 cánh cửa bằng gỗ lim kích thước mỗi cánh là (230 x 50 x 3,8)cm tại thời điểm định giá có giá là: 9.200.000 đồng; 01 cánh cửa bằng gỗ lim kích thước (215 x 80 x 3,8)cm tại thời điểm định giá có giá là: 800.000 đồng. Tổng giá trị của 11 cánh cửa là: 10.000.000 đồng.

Cáo trạng số 08/CT-VKSHH ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu truy tố Trần Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo đã thành khẩn khai nhận đã thực hiện hình vi như nội dung vụ án đã nêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyên Hải Hậu giữ quyền công tố tại phiên toà giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng kể từ ngày tuyên án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được tại ngoại tại địa Ph để bị cáo sớm trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hải Hậu, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, Biên bản người phạm tội đầu thú, lời khai người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện: Khoảng 02 giờ ngày 21-10-2018, lợi dụng sơ hở của Bưu cục xã Hải Hà, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, Trần Văn T đã trộm cắp 11 cánh cửa bằng gỗ lim có tổng giá trị 10.000.000đ rồi cho xe lôi chở về nhà cất giấu với mục đích để sử dụng. Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyên Hải Hậu đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ.

[3] Xét hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó không những xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, gây bất bình trong nhân dân. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo nhận thức được tính nguy hiểm của hành vi do mình thực hiện và đủ khả năng

điều khiển hành vi của mình nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy: Bị cáo không có tiền án, tiền sự nên bị cáo là người có nhân thân tốt. Trong vụ án này, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội, bị cáo đã tự mình đến Cơ quan điều tra Công an huyện Hải Hậu đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; bị cáo còn được bị hại đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt. Do đó, bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo và phải chịu thời gian thử thách theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 như đề nghị của đại diện viện kiểm sát cũng đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, bị cáo có thể bị phạt bổ sung từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo, hiện bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp cho bị hại sau khi nhận lại tài sản không có yêu cầu gì khác về phần dân sự nên về trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 29L2-3492 là Ph tiện bị cáo dùng để đi trộm cắp tài sản, quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị M. Chị M không biết bị cáo sử dụng xe vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra trả lại chiếc xe mô tô trên cho chị M là phù hợp.

[8] Đối với chị Nguyễn Thị M là người đi cùng với T khi T trộm cắp tài sản: Do chị M không biết T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên đã đi cùng T, vì vậy cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[9] Đối với ông Đỗ Văn H nhận sửa chữa và sơn lại 11 cánh cửa gỗ do T mang đến nhưng không biết các tài sản đó là do trộm cắp mà có nên cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[10] Đối với chiếc xe lôi ba bánh tự chế, Trần Văn T đã bán cho một người phụ nữ thu mua phế liệu không rõ tên tuổi địa chỉ nên không có căn cứ xác minh. Do đó, cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp. Đối với chiếc tuýp sắt phi 12 dài khoảng 40 cm, T dùng làm công cụ để trộm cắp tài sản, sau khi trộm cắp, T để lại sân của Bưu cục xã Hải Hà, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không có kết quả nên không xử lý là phù hợp.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản". Xử phạt Trần Văn T 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. (Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27-11-2018 đến ngày 06-12-2018). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Trực Thái, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, buộc bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp cho bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định: 1 bản;
- VKSND huyện Hải Hậu: 02 bản;
- Công an huyện Hải Hậu: 02 bản;
- UBND xã Trực Thái: 01 bản;
- Bị cáo: 01 bản;
- Bị hại: 01 bản
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Văn Thung

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Nam Định (1 bản);
-VKSND tỉnh+huyện (2bản);
- Công an huyện Hải Hậu (1 bản);
- Thi hành án phạt tù (2 bản);
- Chi cục thi hành án dân sự (1 bản);
- UBND xã Hải Đường (1 bản);
- Bị cáo (01 bản);
- Lưu hồ sơ + VP (2 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Văn Ái